

Số: 02A/KH-LNQN

Bình Định, ngày 05 tháng 3 năm 2025

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

I- CƠ SỞ THỰC HIỆN

- Căn cứ Quyết định số 1438/QĐ-UBND ngày 22/04/2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt một số chỉ tiêu chủ yếu về Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn 2021-2025 của Công ty TNHH Lâm Nghiệp Quy Nhơn;
- Căn cứ Phương án quản lý rừng bền vững của Công ty TNHH Lâm Nghiệp Quy Nhơn giai đoạn 2020 – 2026;
- Căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị;

Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 với các nội dung như sau:

II- MỤC ĐÍCH

Đề ra những mục tiêu, chiến lược cụ thể và giải pháp thực hiện trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tối ưu hóa nguồn lực như lao động, vật liệu và thiết bị để giảm thiểu lãng phí và tăng cường hiệu suất, đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ để đáp ứng được sự yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Bên cạnh đó cần phát huy thế mạnh và khai thác các tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên, các thế mạnh trong lĩnh vực hoạt động để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch cấp trên giao, mang lại thu nhập cho người lao động đồng thời đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững, ngoài ra cần đảm bảo tuân thủ các quy định của luật pháp liên quan đến việc sản xuất và kinh doanh, đảm bảo rằng công ty hoạt động hợp pháp và tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức và pháp lý.

III- YÊU CẦU

- Ban lãnh đạo công ty, các phòng chuyên môn nghiệp vụ, các đơn vị trực thuộc cần nắm bắt các thông tin về thị trường, nhu cầu của khách hàng để xác định chiến lược và cụ thể hóa các chỉ tiêu, đồng thời phối hợp với các cơ quan ban ngành để triển khai tốt các hoạt động theo các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Thường xuyên nắm bắt thông tin công tác triển khai các công việc liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm đảm bảo thông tin liên lạc đa chiều từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc, các cơ quan ban ngành, địa phương nhằm kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

IV. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2025

1. Công tác quản lý bảo vệ rừng

1.1. Quản lý bảo vệ rừng tự nhiên: 1.449,81 ha

- Tiếp tục thực hiện công tác quản lý bảo vệ diện tích: 1.449,81ha, tại tiểu khu 352/353, xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn. Rừng gỗ lá rộng thường xanh hỗn loài khác tuổi. Loài cây phổ biến bao gồm: Dầu rái, Sồ, Giẻ, Sơn trai, Trâm, Bời lời, Bứa, Thành ngạnh...;

- Theo trữ lượng: Trạng thái rừng nghèo, rừng trung bình. Trữ lượng bình quân từ 80 – 130 m³/ha;

- Theo lập địa: Rừng trên núi đất.

1.2. Quản lý bảo vệ rừng trồng: 4.436,52 ha

- Công ty giao cho lực lượng quản lý bảo vệ rừng chuyên trách đảm nhận cụ thể. Có 4 Đội quản lý bảo vệ rừng: Vũng Chua, Cù Mông, Bắc Sơn, Long Mỹ. Thực hiện trực BVR-PCCCR: Phân công các thành viên trực 24/24 giờ tất cả các ngày trong tuần.

- Phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức tuyên truyền nội quy, quy chế bảo vệ rừng với các nội dung tuyên truyền giáo dục ý thức bảo vệ rừng.

1.3. Quản lý diện tích đất chưa có rừng và diện tích ngoài quy hoạch lâm nghiệp: 2.311,09 ha

- Tăng cường hoạt động tuần tra, kiểm tra rừng, phương tiện ra vào rừng để phát hiện và ngăn chặn kịp thời những hành vi phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp, khai thác vận chuyển lâm sản trái phép.

1.4. Hỗ trợ khoán quản lý bảo vệ rừng: 2.578,17 ha

- Khoán chuyển tiếp: 2.351,94 ha; trong đó:

+ Rừng tự nhiên: 1.343,9 ha

+ Rừng trồng (phòng hộ, đặc dụng, thay thế): 1008,04 ha

- Khoán mới: 79,8 ha.

- Khoán rừng trồng ngoài quy hoạch lâm nghiệp: 146,43 ha

1.5. Công tác phòng cháy chữa cháy rừng:

Tiếp tục thực hiện các nội dung trong phương án phòng cháy chữa cháy rừng của Công ty và các nội dung theo hướng dẫn tại Nghị định số 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Lâm nghiệp, phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị.

1.6. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về lâm nghiệp

Chỉ đạo các Đội quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn, Đoàn thanh niên chủ động, phối hợp với địa phương, Kiểm lâm, các hội đoàn thể của xã, trường học,... để tuyên truyền đến nhân dân các địa phương về công tác BVR-PCCCR, nhất là những chủ rừng liền kề, giáp ranh với rừng của Công ty, những hộ sống gần rừng, những người thường xuyên vào rừng, người chăn thả gia súc trong rừng, khách du lịch ...

2. Công tác phát triển rừng

2.1. Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên: 595,6 ha.

- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên chuyển tiếp: 23,6 ha. Địa điểm thuộc tiểu khu 344, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn.

- Dự kiến khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên mới: 572,0 ha. Địa điểm thuộc tiểu khu 330B, phường Quang Trung, 345, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn.

2.2. Trồng rừng:

- Dự kiến kế hoạch Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng, thay thế:

+ Diện tích: 106,29 ha

+ Địa điểm: tiểu khu 343, 344 - phường Bùi Thị Xuân, tiểu khu 345, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn - tỉnh Bình Định.

+ Hiện trạng rừng: trạng thái thực bì sau khai thác.

+ Công thức dự kiến trồng rừng: loài cây: 2Thông + 1Keo, mật độ 1.600 cây/ha. suất đầu tư bình quân cho 1 ha trồng và chăm sóc rừng: 112,0 triệu đồng.

- Trồng lại rừng sau khai thác:

+ Diện tích: 170 ha

+ Địa điểm: Khoảnh 6a, 8 - tiểu khu 351 - xã Canh Vinh; khoảnh 1,8 - tiểu khu 358, xã Canh Hiền, huyện Vân Canh, khoảnh 5 - tiểu khu 352, khoảnh 4, 8 - tiểu khu 353, xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

+ Hiện trạng rừng: trạng thái thực bì sau khai thác.

+ Công thức dự kiến trồng rừng: loài cây Keo lai; mật độ: 2.000 cây/ha; suất đầu tư bình quân cho 1 ha trồng và chăm sóc rừng trồng: 100,0 triệu đồng.

2.3. Chăm sóc rừng

- Chăm sóc rừng thay thế: 279, ha

- Chăm sóc rừng sản xuất: 600 ha.

2.4. Chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn

- Dự kiến khoảng: 50ha

- Địa điểm: Tiểu khu 339, 351, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định

3. Công tác khai thác gỗ rừng trồng:

- Diện tích dự kiến khai thác: 270,0 ha.

- Địa điểm: Tiểu khu 343, 344- phường Bùi Thị Xuân, tiểu khu 345- phường Ghềnh Ráng, tiểu khu 352, 353, xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn và tiểu khu 351- xã Canh Vinh; tiểu khu 358, xã Canh Hiền, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.

- Sản lượng gỗ khai thác: 24.000 tấn

4. Thực hiện phương án quản lý rừng bền vững

- Thực hiện điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2020 – 2026 theo quy định tại thông tư 13/2023/TT-BNNPTNT, ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, về sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số: 28/2018/TT-BNNPTNT, ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Quy định về quản lý rừng bền vững

5. Duy trì diện tích rừng được cấp chứng chỉ FSC: 2.269,71 ha.

- Rừng tự nhiên: 250,69 ha

gen cây Dầu đọt tím (*Dipterocarpus grandiflorus* Blanco) tại một số tỉnh Nam Trung Bộ".
Tiến hành trồng thí nghiệm một số mô hình theo nội dung của đề tài

- Phối hợp với viện Khoa học lâm nghiệp Nam bộ để thực hiện chăm sóc rừng trồng theo đề tài "*Nghiên cứu chọn và nhân giống Sao đen (Hopea odorata Roxb.) và Dầu rái (Dipterocarpus alatus Roxb) phục vụ trồng rừng gỗ lớn và cây phân tán tại một số vùng sinh thái trọng điểm*".

- Phối hợp với Viện nghiên cứu giống và công nghệ sinh học lâm nghiệp Việt Nam thực hiện mô hình trồng khảo nghiệm một số dòng keo lá tràm mới, tại tiểu khu 352, xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp kỹ thuật

- Tiếp tục duy trì chứng chỉ rừng trồng FSC để nâng cao giá trị và hiệu quả rừng trồng đủ sức cạnh tranh với thị trường quốc tế.

- Chú trọng đầu tư sản xuất cây giống bằng phương pháp nuôi cấy mô, dần chủ trọng trồng rừng bằng nguồn giống chất lượng cao, nuôi cấy mô;

- Chuyển dịch một phần diện tích thích hợp từ sản xuất kinh doanh rừng gỗ nhỏ sang kinh doanh rừng gỗ lớn. Đa dạng hóa sản phẩm gỗ và nâng cao giá trị gia tăng trong sản xuất kinh doanh rừng.

- Xây dựng chuỗi giá trị trong sản xuất lâm nghiệp từ đầu vào giống chất lượng cao, trồng rừng thâm canh đến khai thác, chế biến và xuất khẩu ra thị trường.

2. Giải pháp về chính sách, nguồn nhân lực

a) Giải pháp về chính sách

*** Đối với rừng tự nhiên**

Tăng tính hiệu quả trong công tác bảo vệ rừng, lực lượng bảo vệ rừng được tổ chức theo thành từng nhóm; lập ra ban điều hành cho tất cả các nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai cho các nhóm bảo vệ rừng cùng phối hợp luân phiên đi kiểm tra rừng để kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi xâm hại rừng hiệu quả nhất, tạo điều kiện và phát huy khả năng tham gia của người dân về bảo vệ rừng góp phần tạo công ăn việc làm, ổn định đời sống cho người dân nông thôn sống ven rừng.

*** Đối với rừng trồng phòng hộ, đặc dụng**

Hàng năm xây dựng kế hoạch quản lý bảo vệ, phòng cháy chữa cháy cho từng khu vực cụ thể, thường xuyên túc trực những địa bàn trọng điểm dễ xảy ra cháy rừng. Phát hiện ngăn chặn, xử lý kịp thời hành vi lấn chiếm đất đai, phá rừng, phối hợp với các hộ, nhóm hộ nhận khoán và cơ quan chức năng thường xuyên tổ chức tuần tra, kiểm tra kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi xâm hại rừng.

Ghi chú: Rừng Công ty hiện nay chủ yếu Do lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách của Công ty đảm nhận.

b) Giải pháp về nguồn nhân lực

- Tăng cường đào tạo bồi dưỡng cán bộ có trình độ chuyên môn về các đội trực tiếp làm công tác quản lý, nhằm chuyển giao nhanh các tiến bộ khoa học vào sản xuất

- Nâng cao trách nhiệm cộng đồng và năng lực cho cán bộ quản lý, 100% CBCNV trong công ty có hiểu biết cơ bản về biến đổi khí hậu, phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai, thực hiện tốt Công tác quản lý rừng bền vững, FSC

(Phụ lục báo cáo kết quả thực hiện năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 chi tiết kèm theo)

Trên đây là kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty. Công ty TNHH Lâm Nghiệp Quy Nhơn báo cáo để các cơ quan ban ngành biết, tạo mọi điều kiện giúp đỡ Công ty thực hiện kế hoạch đạt hiệu quả./.

CHỦ TỊCH CÔNG TY

Nơi nhận:

- Sở NN và PTNT Bình Định;
- Chi cục Kiểm lâm Bình Định;
- Hạt Kiểm lâm ;
- UBND xã, phường...
- Lãnh đạo Công ty;
- Các Phòng nghiệp vụ, các Đội QLBR;
- Lưu: VT, KH.



Trần Nguyên Tú

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP QUY NHƠN

Phụ lục

KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025

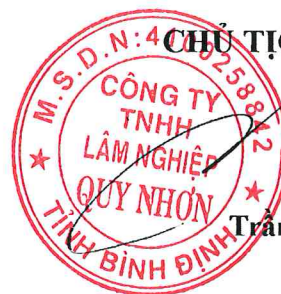
(Kèm theo Kế hoạch số 02/KH-LNQN ngày 05 tháng 3 năm 2025
của Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn)

TT	Hạng mục đầu tư	Đvt	Năm 2024		Năm 2025	Ghi chú
			Kế hoạch đăng ký	Kết quả thực hiện	Kế hoạch đăng ký	
*	NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH					
A	Vốn sự nghiệp					
1	Khoản bảo vệ rừng	Ha	2.351,94	2.351,94	2.431,74	
a	Diện tích khoán mới	Ha	51,30	51,30	79,80	
b	Diện tích khoán chuyển tiếp rừng trồng	Ha	956,74	956,74	1.008,04	
c	Diện tích khoán chuyển tiếp rừng tự nhiên	Ha	1.343,90	1.343,90	1.343,90	
2	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên	Ha	595,60	595,60	595,60	
a	Diện tích khoanh nuôi tái sinh mới rừng phòng hộ	Ha	572,00	572,00	572,00	
b	Diện tích Khoanh nuôi tái sinh chuyển tiếp	Ha	23,60	23,60	23,60	
3	Khoản bảo vệ rừng ngoài QH 3 loại rừng	Ha	147,40	146,43	146,43	
	Diện tích khoán mới	Ha	147,40	146,43	146,43	
B	Vốn đầu tư phát triển					
I	Đầu tư lâm sinh					
1	Trồng rừng	Ha	164,50	166,10	106,29	
a	Trồng rừng phòng hộ, MTCQ	Ha	0,00		0,00	
b	Trồng rừng thay thế	Ha	164,50	166,10	103,00	
2	Chăm sóc rừng	Ha	193,50	172,00	279,80	
a	Chăm sóc rừng phòng hộ, MTCQ	Ha	21,50	0,00	0,00	
c	Chăm sóc rừng thay thế	Ha	171,999	171,999	279,799	
II	Xây dựng cơ sở hạ tầng					
1	Duy tu đường ranh cản lửa	Km	9,24	9,24	9,24	
2	Xây dựng mới 01 Trạm QLVRV Vững Chua	m2	60	0	60	
C	QLBV và khai thác Yến sào					
I	QLBV hang Yến	Hang	17,0	17,0	17,0	
II	Khai thác Yến sào	Kg		113,885		
*	NHIỆM VỤ SXKD CÔNG TY					
I	Đầu tư lâm sinh					
1	Bảo vệ rừng	Ha	2.316,67	2.316,67	2.316,67	
	Bảo vệ rừng sản xuất	Ha	2.316,67	2.316,67	2.316,67	
2	Chăm sóc rừng trồng sản xuất	Ha	700,00	783,00	600,00	
3	Trồng rừng	Ha	90,0	84,82	170,00	
	Trồng lại sau khai thác	Ha	90,0	84,82	170,0	
	- Trồng rừng gỗ nhỏ	ha	0,0			
	- Trồng rừng gỗ lớn	ha	90,0	0,0		

4	Chuyển hóa rừng gỗ lớn	Ha	40,0	27,39	50,0	
II	Khai thác gỗ rừng trồng					
a	Diện tích khai thác	Ha	240,0	239,67	270,0	
b	Sản lượng gỗ khai thác	Tấn	21.000	21.019,08	24.000	
III	Sản xuất cây giống	Cây	4.630.000	5.170.212	4.905.000	
1	Cây nuôi cấy mô	Cây	3.750.000	3.941.663	4.205.000	
-	Bạch đàn mô	Cây	300.000	302.667	260.000	
-	Keo lai mô	Cây	3.450.000	3.638.996	3.745.000	
-	Keo lá tràm mô	Cây			200.000	
2	Cây hom	Cây	500.000	762.804	500.000	
-	Keo lai hom	Cây	500.000	762.804	500.000	
3	Cây hạt	Cây	380.000	465.745	200.000	
-	Keo lá tràm	Cây	110.000	133.152	80.000	
-	Thông caribê	Cây	270.000	332.593	90.000	
-	Phi lao hạt	Cây			30.000	
IV	Công trình nhận thầu					
1	Khai thác gỗ rừng Đak Mang	Tấn	4.200	5.665,5	4.976	56,39 ha
2	Trồng rừng Đak Mang	Ha		63,14		
3	Lập PA thiết kế khai thác rừng Đak Mang	Ha	188,85	361,27		
V	Đầu tư xây dựng cơ bản					
1	Mua sắm trang thiết bị và phần mềm để phục vụ công tác BVR	tr.đ			650,00	
2	Sửa chữa và cải tạo hệ thống thoát nước tại văn phòng và vườn ươm	tr.đ			200,00	
3	Đầu tư hệ thống rửa lọ tự động phục vụ sản xuất cây giống chất lượng cao	tr.đ			500,00	
V	Kết quả sản xuất kinh doanh	tr.đ				
1	Doanh thu	Tr.đ	51.200	56.560	58.350	
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	6.550	8.618	9.050	
3	Nộp ngân sách	Tr.đ	Theo luật	Theo luật	Theo luật	
4	Thu nhập bình quân	Tr.đ	9,20	9,20	9,30	

P. Kế hoạch


Trương Thị Thu Hiền



CHỦ TỊCH CÔNG TY


Trần Nguyên Tú